TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ–ST
Ngày: 10 - 02 - 2020
V/v: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nhưng

Bà Lê Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:Ông Nguyễn Xuân Lĩnh Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị L

Sinh ngày: 02 tháng 01 năm 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn:Anh Nguyễn Xuân B

Sinh ngày: 06 tháng 06 năm 1981

Địa chỉ: Thôn X, xã J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức H

Sinh ngày: 19 tháng 05 năm 1958

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

- Bà Võ Thị C

Sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Cô Hoàng Thị R

Chức vụ: Giáo viên chủ nhiệm lớp 4B, trường tiểu học J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2019, trong các bản khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là Chị Phan Thị L trình bày:

Con chung của Chị Phan Thị L và Anh Nguyễn Xuân B là: Nguyễn Phương M - Sinh ngày: 19 – 10 - 2010.

Sau khi anh B và chị L ly hôn, theo Quyết định số 85/2013/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, cháu M được giao cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục vì lúc đó chị L chưa có đủ điều kiện về kinh tế và nhà ở. Tuy nhiên, sau khi được giao con chung, anh B không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà giao con lại cho ông, bà nội nuôi dưỡng, còn anh B đi lấy vợ ngay sau đó

Nay, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương M, bởi:

Hiện nay, chị L đã đảm bảo điều kiện về kinh tế, sau khi đi xuất khẩu lao động từ nước Ănggola về nước thì đang làm công việc buôn bán có thu nhập ổn định. Ngoài ra, chị và chồng hiện nay của chị (anh Hoàng Văn N) còn có 07 ki ốt cho thuê. Thu nhập của chị mỗi tháng bình quân 20.000.000 đồng. Về điều kiện nhà ở, vợ chồng chị, cùng bố chồng và con chung của chị và chồng hiện tại đang sống tại ngôi nhà hai tầng trú tại Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Chồng chị ủng hộ việc chị trực tiếp đưa cháu Nguyễn Phương M về trực tiếp nuôi dưỡng. Trong gia đình cũng có người giúp việc để giúp đỡ công việc trong gia đình, chị L không cần làm công việc gia đình. Công việc của chị L là việc tự do nên chị L không có hợp đồng lao động hay giấy từ gì thể hiện nhưng chị có sổ, chị còn có sổ tiết kiệm gửi ngân hàng với số tiền 300.000.000 đồng.

Qúa trình ông H, bà C (ông, bà nội chăm sóc cháu) chị L có đóng góp tiền

nuôi dưỡng cháu, mua cho con nhiều vật dụng.

Với điều kiện kiện hiện tại, chị L khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu M khôn lớn.

Chị L cho rằng cháu M là con gái sẽ muốn gần gũi với mẹ hơn. Cháu ở với ông bà cũng được ông bà thương yêu, chăm sóc, nhưng có những mong muốn, tâm sự cháu sẽ không thể nói với ông bà mà muốn được chia sẻ với mẹ. Ngoài ra, chị L hiện nay sẽ không đi đâu làm ăn xa mà ở nhà làm ăn, có thời gian để chăm sóc các con. Theo chị L không ai yêu thương, quan tâm con bằng mẹ. Trong khi đó, anh B thường đi làm ăn xa ở nước ngoài, từ nhỏ đến sau này cũng không có điều kiện về thời gian để trực tiếp nuôi con, hiện nay anh B còn phải nuôi vợ và hai con nhỏ là con riêng của anh và vợ hiện nay.

Ngoài ra, theo chị L nguyên nhân quan trọng nhất là ý kiến của cháu, chị L đã nhiều lần hỏi và cháu M thể hiện mong muốn được về sống với mẹ. Do đó chị mong muốn ý kiến của cháu được tôn trọng, chị không muốn ép buộc cháu.

Trường hợp được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, chị yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Mặc dù với điều kiện kinh tế của chị thì đủ điều kiện để đảm bảo cho cháu cuộc sống đầy đủ nhưng chị L vẫn yêu cầu anh B cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi và để dành cho cháu M sau này. Trường hợp anh B chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L thì anh B phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Anh B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, Chị Phan Thị L đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương số 85/2013/QĐST- HNGĐ ngày 17 – 12 - 2013 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, trích lục khai sinh cháu Nguyễn Phương M, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao chứng minh nhân dân của chị L, bản tự khai (02 bản), đơn xác nhận đề ngày 08 – 01 – 2020, bản photo giấy chứng nhận kết hôn (đã được Tòa án đối chiếu với bản gốc) và tại phiên tòa chị L giao nộp thêm số gửi tiền tiết kiệm với mục đích chứng minh điều kiện kinh tế..

Bị đơn Nguyễn Xuân B trong quá trình giải quyết vụ án trình bày thống nhất với chị L về việc: Chị Phan Thị L và Anh Nguyễn Xuân B có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương M – sinh ngày 19 – 10 – 2010. Sau khi anh B và chị L ly hôn vào ngày 17 – 12 – 2013 thì theo quyết định của Tòa án cháu M được giao cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, Chị Phan Thị L có nghĩa vụ cấp

dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng tiền nuôi con chung cùng anh B. Về việc chị L có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, anh B không đồng ý, bởi lẽ:

Từ nhỏ chị L đã không nuôi cháu, nay cháu được ông, bà nội và bố chăm sóc, học tập khôn lớn thì chị L lại muốn đưa cháu về nhờ cậy làm việc vặt là không được.

Qúa trình thực hiện quyết định thuận tình ly hôn, chị L chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con, theo quyết định mỗi tháng chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng, tuy nhiên chị L không thực hiện đầy đủ.

Về điều kiện kinh tế: Anh B làm nghề đi biển, chủ yếu anh B đi biển ở nước ngoài, trong thời gian từ khoảng 1 năm, nhanh thì khoảng mấy tháng về một lần, thu nhập trong những tháng ở nước ngoài 35.000.000 đồng (ba lăm triệu đồng), còn khi ở nước ngoài về nghỉ ở nhà ít tháng để chờ đi lại thì anh đi biển gần nhà thu nhập từ 15.000.000đ đến 20.000.000 đồng. Tuy nhiên công việc của anh B cũng tự do nên anh không có hợp đồng lao động chứng minh. Anh B có nhà riêng với diện tích 160m^2 đủ điều kiện cho gia đình sinh hoạt. Trong gia đình vợ của anh B cũng yêu thương cháu M, vợ anh B ở nhà chăm hai con nên có thời gian chăm cả cháu M. Anh B đủ điều kiện tình cảm, kinh tế để nuôi con chung và con riêng đầy đủ.

Cháu M được ông bà nội trực tiếp chăm sóc thì xung quanh có ông bà, bố có cô dì chú bác quan tâm đến cháu.

Ông bà nội cháu là người quan tâm cháu, tin tưởng nên từ năm 2013 anh B mới giao cháu M cho ông bà chăm sóc, đưa đón đi học.

Hiện tại, cháu Nguyễn Phương M có nguyện vọng ở với mẹ tuy nhiên anh B nhận thấy cháu M còn quá nhỏ, chưa hiểu biết nhiều, hiện nay có thể nói muốn ở với bố nhưng sau này có thể muốn ở với mẹ, cháu sẽ không biết được ở với ai thì tốt hơn với cháu. Nguyên nhân cháu có ý kiến như vậy, là do trước đó mẹ cháu chạy xe ra trường đưa quà cáp dỗ dành, tạo áp lực cho cháu để cháu nói nguyện vọng ở mới mẹ.

Nếu được tiếp tục giao cháu M cho anh B, anh B không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung là do chị L tự nguyện.

Đối với ý kiến của chị L về việc nếu được trực tiếp nuôi con chung thì yêu cầu anh B cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh B không đồng ý, vì nếu đã có trách nhiệm nuôi được cháu thì không cần phải cấp dưỡng mà chỉ cần ý thức tự nguyện của 02 bên.

Chứng minh cho lời trình bày của mình, Anh Nguyễn Xuân B đã giao nộp tại Tòa án: Đơn trình bày ý kiến đề ngày 30 – 12 – 2019, giấy xác nhận thu nhập, giấy xác nhận điều kiện học tập đề ngày 31 – 12 – 2019, đơn trình bày đề ngày 25 – 10 – 2019.

Để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xác minh tại địa phương, làm việc với cháu Nguyễn Phương M, cụ thể: Tại phiên làm việc tại trường tiểu học J, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với cháu Nguyễn Phương M cùng sự có mặt của cô giáo chủ nhiệm và lãnh đạo nhà trường, cháu M thể hiện nguyện vọng muốn được về sống với mẹ, cùng với đó cháu còn trình bày hiện nay cháu đang được ông nội nuôi dưỡng. Tại phiên tòa với sự có mặt của cháu M, cháu M một lần nữa thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã làm việc trực tiếp với ban cán sự Thôn X, xã J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là nơi cư trú của Anh Nguyễn Xuân B và ban cán sự Thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là nơi cư trú của ông Nguyễn Đức H - là ông nội cháu M, bố đẻ anh B, tại buổi làm việc đều có kết quả thể hiện rằng từ sau khi anh B và chị L ly hôn thì cháu M được giao cho ông bà nội trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cũng đã có công văn đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xác minh và có kết quả trả lời từ năm 2013 đến nay anh B và chị L không có yêu cầu thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Liên quan đến việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu M trong thời gian qua, vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Võ Thị C trình bày: Sau khi Anh Nguyễn Xuân B ly hôn Chị Phan Thị L vào cuối năm 2013, lúc đó theo quyết định thỏa thuận thì giao con cho anh B nuôi dưỡng nhưng vì lúc đó cháu M còn quá nhỏ, mới được 3 tuổi 02 tháng nên vợ chồng ông đưa cháu về nhà trực tiếp nuôi dưỡng, đến năm 2017 thì khi đi học về cháu ăn cơm ở nhà bố vào buổi trưa và buổi tối sau đó ông lại đón cháu về nhà ngủ, vào buổi sáng hôm sau cháu lại được ông đưa đón đến trường. Quá trình cháu học tập ông H, bà C đều theo dõi sát sao, đóng đậu cho cháu đầy đủ. Khi ông bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, anh B chu cấp đầy đủ để ông bà nuôi cháu, nay ông bà không yêu cầu anh B phải hoàn trả cho ông bà chi phí nuôi dưỡng cháu. Đầu năm 2018, khi anh B từ nước ngoài về nhưng cháu M chủ yếu vẫn sống cùng ông bà nội, chỉ ăn cơm tại nhà bố vì ông bà có đầy đủ điều kiện để chăm sóc cháu, ông H cho rằng dù cả bố và mẹ cháu hiện nay đã có gia đình riêng, nên dù ở với bố hay ở với mẹ thì cháu M cũng không được chăm sóc tốt như ông bà chăm cháu.

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện

kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 81, 82 , 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật dân sự

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Chị Phan Thị L về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn..

- Giao con chung cho Chị Phan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Trong thời gian chị L trực tiếp nuôi con chung, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Trường hợp anh B chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L thì anh B phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Anh B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương số 85/2013/QĐST- HNGĐ ngày 17 – 12 - 2013 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh căn cứ trích lục khai sinh cháu Nguyễn Phương M cùng các tài liệu có trong hồ sơ, xác định được: Anh Nguyễn Xuân B và Chị Phan Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương M – sinh ngày 19 – 10 – 2013; sau khi chị L và anh B ly hôn, theo thỏa thuận của anh chị, Tòa án quyết định giao cháu M cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, còn chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B mỗi tháng 500.000 đồng.

Thực tế, sau khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn, vì cháu M còn nhỏ, anh B còn phải đi làm ăn nên cháu M do ông Nguyễn Đức H, và Võ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng trong giai đoạn từ năm 2013 đến cuối năm 2017, sang đầu năm 2018 ông H vẫn là người đưa đón cháu M đi học, tuy nhiên sau khi tan học

cháu sẽ về nhà anh B để ăn cơm trưa và ăn cơm tối, sau bữa tối ông H lại đón cháu về nhà ông, bà ngủ lại. Sự việc này được anh B, ông H, bà C trình bày và ban cán sự thôn nơi anh B và ông H, bà C cư trú xác nhận. Theo trình bày của ông H, bà C quá trình ông, bà chăm sóc cháu anh B đều chu cấp đầy đủ chi phí sinh hoạt, học tập cho cháu và ông, bà không yêu cầu anh B phải hoàn lại cho ông, bà chi phí và tiền công chăm sóc cháu M.

Về việc thực hiện việc cấp dưỡng: Chị L trình bày quá trình ông H, bà C trực tiếp nuôi dưỡng cháu, chị đã trực tiếp cấp dưỡng tiền đầy đủ để ông, bà trông nom con, không những thế chị còn mua thêm quần áo, đồ dung cho cháu M để phục vụ cho cuộc sống và học tập. Trong khi đó, anh B lại trình bày chị L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, từ tháng 10 năm 2017 chị L không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Căn cứ vào Công văn số 45 ngày 06 – 01 -2019 thì kể từ ngày 17 – 12 – 2013 (ngày ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự) đến ngày 06 – 01 – 2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh không tiếp nhận yêu cầu nào về việc thi hành án tiền cấp dưỡng của cả anh B và chị L. Do đó, không thể chứng minh được các đương sự đã tự nguyện thi hành án cho nhau hay một bên không tự nguyện thi hành mà bên còn lại không yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tổ chức thi hành án..

Theo trình bày của hai bên đương sự, mỗi bên hiện nay đã có gia đình riêng có vợ/chồng và con riêng tuy nhiên gia đình mới của hai bên đều yêu thương và ủng hộ việc chị L, anh B trực tiếp nuôi con chung.

Hiện nay chị L sau một thời gian đi làm việc tại nước ngoài thì về sinh sống ổn định tại địa phương, làm công việc buôn bán, vợ chồng chị có nhà ở ổn định và các ki ốt cho thuê với thu nhập từ 20.000.000 đồng, chị L còn có sổ tiết kiệm 300.000.000 đồng. Trong khi đó, anh B làm nghề đi biển, chủ yếu anh B đi biển ở nước ngoài, trong thời gian từ khoảng 1 năm, nhanh thì khoảng mấy tháng về một lần, thu nhập trong những tháng ở nước ngoài 35.000.000 đồng (ba lăm triệu đồng), còn khi ở nước ngoài về nghỉ ở nhà ít tháng để chờ đi lại thì anh đi biển gần nhà thu nhập từ 15.000.000đ đến 20.000.000 đồng. tuy nhiên công việc của anh B cũng tự do nên anh không có hợp đồng lao động chứng minh. Anh B có nhà riêng với diện tích 160m^2 đủ điều kiện cho gia đình sinh hoạt. Như vậy, cả hai bên đều có điều kiện về nhà ở, qua tìm hiểu và xác nhận của chính quyền địa phương thì cả anh B và chị L đều thuộc diện khá giả, không có ghi nhận về hoàn cảnh khó khăn.

Xét về thời gian chăm lo cho con cái thì chị L là phụ nữ, hiện nay ở nhà buôn bán có thời gian linh hoạt để chăm sóc con cái còn anh B làm nghề đi biển thường xuyên xa nhà, có khi cả năm mới về nhà nghỉ một đợt, thực tế cho thấy từ năm 2013 sau khi vợ chồng ly hôn, cháu M chỉ yếu do ông nội chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nguyện vọng của con chung: Cháu Nguyễn Phương M sinh ngày 19 – 10 -2010, hiện nay, cháu M đã hơn 09 tuổi. Tai phiên làm việc với cháu Nguyễn Phương M ở trường tiểu học J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh với sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm, ban giám hiệu nhà trường và tại phiên tòa trong điều kiện thoải mái, không ai ép buộc và tại phiên toà hôm nay cháu M thể hiện rõ nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay cháu không ở với bố mà do ông, bà nội trực tiếp chăm sóc. Các cháu là trẻ con có thể chưa nhận biết được lợi ích, thiệt hơn tuy nhiên nguyện vọng về tâm lý, tình cảm của các cháu là cần được tôn trọng, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, từ những phân tích đánh giá, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyện vọng về việc trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của cả anh B và chị L đều chính đáng. Xét về điều kiện kinh tế và gia đình 02 bên thì anh B và chị L đều có điều kiện kinh tế, gia đình mỗi bên đều đảm bảo điều kiện. Tuy nhiên xét về mặt thời gian chăm lo trong gia đình, chị L có thời gian hơn anh B, vì anh B thường xuyên xa nhà không có điều kiện thời gian gần gũi và quan tâm cháu. Ông nội cháu dù rất yêu thương thì cũng không thể so sánh với sự quan tâm, gần gũi của chính bố mẹ các cháu. Chính cháu M cũng đã thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử giao cháu Nguyễn Phương M cho Chị Phan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của Toà án.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyện vọng của chị L về việc yêu cầu Anh Nguyễn Xuân B cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật quy đinh tại Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L. Trường hợp anh B chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L thì anh B phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự

[5]. Về án phí:

Anh Nguyễn Xuân B phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ áp phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[6].Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị L, anh B, ông Nguyễn Đức H, bà Võ Thị C có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

Căn cứ vào các Điều 81, 82 , 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật dân sự

Xử:

- Giao cháu Nguyễn Phương M – Sinh ngày: 19 tháng 10 năm 2013 cho Chị Phan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Trong thời gian Chị Phan Thị L trực tiếp nuôi con chung, Anh Nguyễn Xuân B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L. Tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Trường hợp anh B chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L thì anh B phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Anh Nguyễn Xuân B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, chị L và các thành viên trong gia đình chị L không được ngăn cấm, cản trở.

- Về án phí:

Anh B phải nộp 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

Trả lại cho Chị Phan Thị L 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005554 ngày 25 tháng 12 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị L, Anh Nguyễn Xuân B, Ông Nguyễn Đức H, bà Võ Thị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn: Chị L;
- Bị đơn: Anh B;
- VKS huyện Kỳ Anh;
- VKS nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Hoàng